

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt
Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới
lĩnh vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh
vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư (gồm 04
thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Các PCT/UBND Tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công Tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (H).

CHỦ TỊCH



Phạm Thiện Nghĩa

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC ĐẦU THẦU THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 588 /QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cách thức thực hiện		Số trang
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ	
1	1.012507	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	23 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thi	Bộ phận TN&TKQ Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công Tỉnh	Tối đa 800.000 đồng/thí sinh/kỳ thi	- Luật Đấu thầu năm 2023. - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.	Trực tuyến	Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích.	1
2	1.012508	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp lại chứng chỉ	Bộ phận TN&TKQ Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công Tỉnh	100.000 đồng/lần	- Luật Đấu thầu năm 2023. - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.	Trực tuyến	Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích.	4

3	1.012509	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp gia hạn chứng chỉ	Bộ phận TN&TKQ Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công Tỉnh	100.000 đồng/lần	- Luật Đấu thầu năm 2023. - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.	Trực tuyến	Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích.	10
4	1.012510	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu phải nộp lại bản gốc chứng chỉ cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi	Bộ phận TN&TKQ Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công Tỉnh	Không có	- Luật Đấu thầu năm 2023. - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích.	13

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 588/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

1. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1.1. Trình tự thực hiện

(i) Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện hồ sơ đăng ký thi, cấp chứng chỉ trên Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có địa chỉ tại <https://chungchidauthau.mpi.gov.vn>; thời gian dự kiến tổ chức thi, chi phí dự thi được thông báo trên Hệ thống trước ngày thi dự kiến tối thiểu 30 ngày.

(ii) Cá nhân được đưa vào danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi khi đã đăng ký thành công và nộp đầy đủ chi phí dự thi theo quy định của Thông tư.

(iii) Cá nhân có tên trong danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tham dự kỳ thi do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức (sau đây gọi là đơn vị tổ chức thi).

(iv) Chức năng thi trực tuyến trên Hệ thống tự động chấm điểm bài thi của thí sinh theo đề thi và đáp án tương ứng.

(v) Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai quyết định công nhận kết quả thi trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành.

(vi) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thi, đơn vị tổ chức thi trình Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

(vii) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của đơn vị tổ chức thi, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu; Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai quyết định cấp chứng chỉ trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành.

(viii) Cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp chứng chỉ.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống.

1.3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký thi theo Mẫu số 03 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

b) 01 ảnh màu mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 3cm x 4cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự.

1.4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: Cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 23 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thi.

1.6. Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

1.7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

1.9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu tối đa 800.000 đồng/thí sinh/kỳ thi (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này).

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Mẫu đơn đăng ký theo Mẫu số 03 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đạt kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại Thông tư.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu số 03 (webform trên Hệ thống)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

ĐĂNG KÝ THI
CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU

Kính gửi:

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):..... Nam/Nữ:
2. Sinh ngày:..... tháng..... năm
3. Số thẻ căn cước/hộ chiếu:
4. Số điện thoại liên hệ:
5. Email:
6. Địa chỉ nhận chứng chỉ:
7. Địa điểm đăng ký dự thi:
8. Đơn vị tổ chức thi:
9. Thời gian đăng ký dự thi:

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

2.1. Trình tự thực hiện

(i) Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện đề nghị cấp lại chứng chỉ trên Hệ thống. Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có địa chỉ tại <https://chungchidauthau.mpi.gov.vn>.

(ii) Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấp chứng chỉ.

(iii) Cá nhân được cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp lại chứng chỉ.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống.

2.3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

b) 01 ảnh màu mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 3cm x 4cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự.

c) Bản gốc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu còn hiệu lực nhưng bị hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin. Trường hợp bị mất chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại (đính kèm tệp tin ảnh màu chụp từ bản chính chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu hoặc bản cam kết vào hồ sơ đề nghị cấp lại trên Hệ thống).

2.4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: Cá nhân được cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp lại chứng chỉ.

2.6. Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

2.9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Chi phí cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu 100.000 đồng/lần (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các

văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này). Không thu phí cấp lại chứng chỉ đối với trường hợp cơ quan cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ghi sai thông tin trên chứng chỉ.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Mẫu đơn đăng ký theo Mẫu số 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Cấp lại chứng chỉ được thực hiện trong trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đã được cấp còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu số 04 (webform trên Hệ thống)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU

Kính gửi:

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam/Nữ:
2. Sinh ngày: tháng năm
3. Số thẻ căn cước/hộ chiếu:
4. Số điện thoại liên hệ:
5. Email:
6. Địa chỉ nhận chứng chỉ:
7. Địa điểm dự thi:
8. Cơ quan cấp chứng chỉ:
9. Thời gian dự thi:
10. Số chứng chỉ đã được cấp: ngày cấp
11. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

3. Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

3.1. Trình tự thực hiện

(i) Cá nhân có nhu cầu cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện đăng ký gia hạn hiệu lực chứng chỉ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 15 ngày trước ngày hết hiệu lực của chứng chỉ. Sau thời hạn này, cá nhân không được đăng ký gia hạn hiệu lực chứng chỉ và phải dự thi, cấp chứng chỉ lần đầu theo quy định Thông tư. Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có địa chỉ tại <https://chungchidauthau.mpi.gov.vn>.

(ii) Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấp chứng chỉ.

(iii) Cá nhân được cấp gia hạn hiệu lực chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp gia hạn chứng chỉ.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống.

3.3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp gia hạn theo Mẫu số 05 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

b) 01 ảnh màu mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 3cm x 4cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự.

3.4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

3.5. Thời hạn giải quyết: Cá nhân được cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp gia hạn chứng chỉ.

3.6. Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3.7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

3.9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Chi phí cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu 100.000 đồng/lần (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này).

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Mẫu đơn đăng ký theo Mẫu số 05 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Cấp gia hạn chứng chỉ được thực hiện trong trường hợp chứng chỉ hết hiệu lực theo quy định của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT. Cá nhân có nhu cầu gia hạn hiệu lực thực hiện đăng ký gia hạn.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu số 05 (webform trên Hệ thống)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU

Kính gửi:

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam/Nữ:
2. Sinh ngày: tháng năm
3. Số thẻ căn cước/hộ chiếu:
4. Số điện thoại liên hệ:
5. Email:
6. Địa chỉ nhận chứng chỉ:
7. Số chứng chỉ đã được cấp: ngày cấp

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

4. Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

4.1. Trình tự thực hiện

(i) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi quyết định thu hồi chứng chỉ cho cá nhân bị thu hồi và đăng tải thông tin trên Hệ thống, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

(ii) Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu phải nộp lại bản gốc chứng chỉ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi. Trường hợp cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu không nộp lại chứng chỉ, Sở Kế hoạch và Đầu tư hủy chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu, gửi thông báo cho cá nhân bị hủy chứng chỉ và đăng tải thông tin trên Hệ thống, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi thông tin đến Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi;

(iii) Thông tin của cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thể hiện trạng thái “chứng chỉ bị thu hồi”.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

4.3. Thành phần hồ sơ: Bản gốc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

4.4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

4.5. Thời hạn giải quyết: Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu phải nộp lại bản gốc chứng chỉ cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi.

4.6. Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4.7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

4.9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Không.

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Cá nhân là thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định tại Khoản 9 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu bao gồm các hành vi sau:

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.
3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;
 - b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;
 - c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.
4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;
 - b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.
5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
 - b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;
 - c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
 - d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
 - đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu, nhà đầu tư đối với gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật này;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;

c) Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật này;

i) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật này;

k) Nêu điều kiện trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu, nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 và khoản 2 Điều 48 của Luật này;

l) Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật này, bao gồm:

a) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật này.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.